

Bản án số: 254/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2019

V/v Ly hôn giữa bà P và ông H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Phan Như Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 585/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1988; địa chỉ: đường K, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;
Bà P có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Lữ H, sinh năm 1977; địa chỉ: đường K, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;
Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Bà P và ông Nguyễn Lữ H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2011, quyển số 1/2011, đăng ký ngày 13/9/2011.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/02/2010.

Trong quá trình chung sống với nhau, bà P và ông H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Bà P cho rằng ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông H cũng không quan tâm, chăm lo gì đến gia đình, con cái. Bà P cũng đã nhiều lần cố gắng khuyên nhủ để ông H thay đổi nhưng không có kết quả, cả hai đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Bà P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/02/2010. Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định trong quá trình chung sống với ông H cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bích P có đơn xin vắng mặt. Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện đã nêu và ý kiến bà đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

Về phía bị đơn: Ông Nguyễn Lữ H có đăng ký thường trú và hiện đang cư ngụ tại địa chỉ số đường K, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Toà án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống không phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại các buổi hòa giải ông H đều không đến, chứng tỏ ông H cũng không có thiện chí muốn chung sống với bà P. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông H là trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của bà P có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích P; giao trẻ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/02/2010 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Bích P có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Lữ H, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại Kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận N thì ông Nguyễn Lữ H có đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại Quận 11. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Bích P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Lữ H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H đều vắng mặt, không đến Tòa giải quyết. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Lữ H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, sau đó cả hai mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2011, quyển số 1/2011, đăng ký ngày 13/9/2011. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà P và ông H chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/02/2010.

Mâu thuẫn giữa bà P và ông H phát sinh nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống mà không thể giải quyết được. Ông H thiếu trách nhiệm với gia đình, con cái, có quan hệ tình cảm với người khác. Bà P cũng đã cố gắng khuyên nhủ để ông H thay đổi nhưng không có kết quả, bà P và ông H đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Bà P nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông H.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H. Ông H biết nội dung khởi kiện và yêu cầu của bà P nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đến phiên tòa hôm nay ông H đều không đến Tòa để giải quyết. Điều đó cho thấy ông H không có thiện chí muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích P.

[4] Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Bà P và ông H chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/02/2010. Theo nguyện vọng của trẻ K thể hiện trong bản tự khai lập tại Tòa án, nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của em là muốn ở cùng với mẹ và thực tế hiện nay trẻ K đang ở cùng với bà P, do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, đồng thời trên cơ sở xem xét nguyện vọng của trẻ K. Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao trẻ K cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà P về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Lữ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận lời khai của bà P xác định bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích P. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Lữ H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2011, quyền số 1/2011 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2011 không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/02/2010 cho bà Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009421 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 35 phút, ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Phan Như Nguyệt;
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 585/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1988; địa chỉ: 32/70 đường Ông Ích Khiêm, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Lữ H, sinh năm 1977; địa chỉ: 32/70 đường Ông Ích Khiêm, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích P. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Lữ H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2011, quyền số 1/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2011 không còn giá trị pháp lý.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ tên Nguyễn H Khải, sinh ngày 11/02/2010 cho bà Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009421 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày **22** tháng **5** năm **2019**.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phúc